

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Bản án số: 225/2022/HS-PT
Ngày 13/4/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lệ.

Bà Nguyễn Phương Hạnh

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Lê Giang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 13/4/2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 211/2021/TLPT-HS ngày 11/3/2021 đối với bị cáo Nguyễn Đình D bị xét xử về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đình D, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1961 tại huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số 03, khu TD, phường VT, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nguyên Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng kể từ ngày 17/4/2020; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu A (đã chết) và bà Hà Thị M (đã chết); có vợ Nguyễn Thị Kim L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09 - 4 - 2020 đến ngày 26/6/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng hình thức bảo lãnh; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị án Vũ Đình Tr bị kết án về tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” không có kháng cáo, không bị kháng nghị. Tòa án cấp phúc thẩm có triệu tập nhưng Vũ Đình Tr có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình D:

1. Bà Trần Hồng P, Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Nguyễn Chiến, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bà Ngô Thị Thu H, Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Nguyễn Chiến, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Phúc Th - Luật sư văn phòng Luật sư Thanh Hiền – Đoàn Luật sư thành phố Hà nội. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự.

1. Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ môi trường; địa chỉ: Số 143/85, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Người đại diện: Ông Trần Văn Ng - Chức vụ: Tổng giám đốc; vắng mặt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Thu L - Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt (*bà Nguyễn Thị Thu H - Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính có mặt tại phiên tòa nhưng không có văn bản ủy quyền*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đào Công Th, sinh năm 1981; phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ môi trường; địa chỉ: Tổ 4, phường La Khê, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Ông Trần Văn Ng, sinh năm 1981; tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ môi trường; địa chỉ: Phòng A503, chung cư 283, phường K, quận TX, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3. Ông Lương Xuân T, sinh năm 1983; phó ban quản lý dự án xây dựng môi trường 1; địa chỉ: Xóm 8 xã T, huyện Q, Thành phố Hà Nội; có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Đức Th1, sinh năm 1981; giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ môi trường; địa chỉ: Phòng 1406 - CT7B, khu đô thị Dương Nội, phường D, quận H, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Hữu Ch, sinh năm 1972; nguyên Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn thời điểm năm 2016-2017; địa chỉ: Đường 3A, khu đô thị Phú Lộc I, phường H, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Ông Chu Văn N, sinh năm 1959; chi Cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, kiêm Phó Trưởng Ban Quản lý dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số B22 - N16, khối 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Ông Hà Văn D, sinh năm 1963; trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, kiêm thành viên Ban Quản lý dự án; địa chỉ: Thôn Q, xã HĐ, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1974; cán bộ kế toán Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số 3, ngõ 6, đường M, phường VT, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

9. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1964; giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn môi trường Lạng Sơn; địa chỉ: Số 18 (nay là số 56), đường N, phường T, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Ông Lương Văn T2, sinh năm 1981; chuyên viên Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn (người được giao nhiệm vụ trực tiếp thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán, Báo cáo kinh tế kỹ thuật); địa chỉ: Tổ 4, khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; đội trưởng đội nhân công; địa chỉ: Khu 2, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang; có/vắng mặt.

12. Ông Lê Văn D, sinh năm 1991; đội trưởng đội nhân công; địa chỉ: Số 438, đường Thân N, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

13. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1986; nhân viên ban quản lý dự án môi trường 1; địa chỉ: Số 22, đường L, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

14. Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1983; nhân viên ban quản lý dự án môi trường 1; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

15. Ông Nguyễn Thế A, sinh năm 1985; nhân viên ban quản lý dự án môi trường 1; địa chỉ: Ngách 142, ngõ 1194, đường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các năm 2012 - 2014, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành khảo sát, lập dự toán hai dự án xử lý, cải tạo và phục hồi điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại thôn ĐC, xã HĐ, thành phố LS và thôn DM 1, xã SH, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó được Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn phê duyệt, nhưng chưa triển khai thực hiện do chưa có kinh phí. Đến năm 2016, khi Trung ương cấp kinh phí để thực hiện, lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn đã chỉ đạo Chi cục Bảo vệ môi trường và các phòng chức năng thực hiện quy trình khảo sát, lập dự toán, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với hai dự án theo quy định. Dự án được triển khai từ năm 2016 đến năm 2018. Các đơn vị tham gia dự án bao gồm: Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ môi trường do Nguyễn Đức Th1 làm Giám đốc, là đơn vị tư vấn, khảo sát, thiết kế, lập dự toán; Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng CICO do ông Nguyễn Tiến D2 làm Giám đốc, là đơn vị tư vấn đấu thầu, chấm thầu; Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ môi trường, do ông Trần Văn Ng làm Tổng Giám đốc (vốn Nhà nước chiếm 64,14%) là nhà thầu thi công; Đơn vị giám sát là Công ty Cổ phần Tư vấn môi trường Lạng Sơn do ông Hoàng Văn H làm Giám đốc.

Quá trình khảo sát, thiết kế, lập dự toán: Do đã được tiếp cận 02 dự án trên từ năm 2012 nên khoảng đầu năm 2016, khi biết thông tin các dự án trên sẽ được triển khai thực hiện, Trần Văn Ng, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ môi trường đã cử Đào Công Th, Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng và Chuyển giao công nghệ môi trường 2 (sau này là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ môi trường) và Vũ Đình Tr, Phó Giám đốc Xí nghiệp (sau này là Trưởng Ban Quản lý dự án xây dựng môi trường 1) đến gặp Nguyễn Đình D, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn để bàn bạc về việc xin thực hiện thi công 02 dự án trên.

Quá trình điều tra, Đào Công Th cho rằng: Khi đến Lạng Sơn, Đào Công Th được Nguyễn Đình D cho biết Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn đã xin được kinh phí từ Trung ương 06 tỷ đồng để thực hiện 02 dự án; Đào Công Th nói với số tiền trên cơ bản đã đủ để thi công; Nguyễn Đình D nói sẽ xin thêm nguồn

vốn của tỉnh Lạng Sơn là 1,5 tỷ đồng và yêu cầu khi lập dự toán, Công ty của Đào Công Th phải đưa thêm vào dự toán hạng mục thi công, sau đó chuyển lại cho Nguyễn Đình D số tiền trên, 02 dự án này Sở Tài nguyên và Môi trường đã giao cho Chi cục Bảo vệ môi trường, nếu Công ty đồng ý theo nội dung trên thì đến Chi cục Bảo vệ môi trường để làm việc. Trên đường về Hà Nội, Đào Công Th cho Vũ Đình Tr biết Nguyễn Đình D đã đồng ý cho Công ty thi công dự án nhưng yêu cầu nâng dự toán lên khoảng 1,5 tỷ đồng, số tiền này Nguyễn Đình D sẽ xin vốn đối ứng của tỉnh, sau khi hoàn thành công trình phải chuyển lại cho Nguyễn Đình D số tiền trên. Đào Công Th, Vũ Đình Tr báo cáo lại nội dung trên với Trần Văn Ng. Sau đó Trần Văn Ng chỉ đạo Đào Công Th giao việc khảo sát, lập dự toán cho Vũ Đình Tr thực hiện theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Ngày 04/5/2016, Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ môi trường ban hành các quyết định thành lập và bổ nhiệm Vũ Đình Tr làm Trưởng Ban, Lương Xuân T là Phó Ban Quản lý dự án xây dựng môi trường 1. Đào Công Th, Phó Tổng Giám đốc đã chỉ đạo Vũ Đình Tr, Lương Xuân T liên hệ và đến gặp Chu Văn N, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường làm việc; Chu Văn N phân công Bé Chí B, Chi cục phó phối hợp khảo sát hiện trạng, lập dự toán.

Sau khi khảo sát xong, Đào Công Th giao cho Lương Xuân T lập dự toán và Vũ Đình Tr giám sát, đôn đốc. Để nâng phần chi phí xây dựng giai đoạn 1 theo yêu cầu của chủ đầu tư, Lương Xuân T đã áp dụng mã hiệu AF.21142 của công trình xây dựng mới sang mã hiệu SB.21142 áp dụng cho công trình sửa chữa, tạo ra giá trị chênh lệch nâng lên của dự án xã SH, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn là 252.819.893 đồng và dự án xã HD, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn là 319.753.846 đồng. Sau đó chuyển hồ sơ cho Vũ Đình Tr kiểm tra, trình Trần Văn Ng và Trần Văn Ng đã nhờ Nguyễn Đức Th1, Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ môi trường ký hợp thức hồ sơ khảo sát, lập dự toán; chỉ đạo Lương Xuân T đưa hồ sơ dự toán và các thủ tục liên quan cho Nguyễn Đức Th1 ký, đóng dấu xác nhận trên các tài liệu. Sau đó Đào Công Th yêu cầu Vũ Đình Tr mang hồ sơ chuyển cho Chi cục Bảo vệ môi trường.

Quá trình phê duyệt dự án: Bé Chí B, Phó chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường được giao nhiệm vụ phối hợp thực hiện nhiệm vụ tư vấn khảo sát, lập dự toán nhưng không trực tiếp làm việc với bất kỳ ai trong Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ môi trường của Nguyễn Đức Th1. Bé Chí B không phát hiện đơn vị thi công cũng chính là đơn vị lập dự toán đã áp mã hiệu cao không đúng các quy định ngành xây dựng để nâng giá trị dự toán của 02 dự án trên. Bé Chí B tập hợp, hoàn thiện hồ sơ, biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát địa hình bổ sung, nghiệm thu kết quả khảo sát môi trường bổ sung, nghiệm thu báo cáo kinh tế kỹ thuật và nghiệm thu gói thầu tư vấn khảo sát bổ sung, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh... đều không đúng thực tế nhưng vẫn trình Nguyễn Đình D kiểm tra, ký.

Tháng 8/2016, hồ sơ tư vấn khảo sát, lập dự toán được chuyển đến Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn; ông Lương Văn T2, Chuyên viên Phòng Quản lý xây dựng được phân công thẩm định hồ sơ dự toán của 02 dự án này. Lương Văn T2 đã tiến hành kiểm tra hồ sơ và thẩm định các nội dung liên quan đến chế độ chính sách, đơn giá nhân công, giá vật liệu thấy phù hợp, đúng quy định; ngoài ra Lương Văn T2 còn căn cứ vào kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch - Đầu tư từ

năm 2014 và kết quả nghiệm thu khảo sát, báo cáo kinh tế kỹ thuật của Sở Tài nguyên và Môi trường. Việc kiểm tra, thẩm định được thực hiện khách quan, không có sự tác động nào từ bên ngoài. Quá trình kiểm tra, Lương Văn T2 không xem xét việc áp dụng, vận dụng các mã công việc trong hồ sơ dự toán, vì không thuộc trách nhiệm thẩm định.

Nguyễn Đình D, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phụ trách lĩnh vực bảo vệ môi trường, được giao nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo triển khai, thực hiện dự án theo lĩnh vực phụ trách, do tin tưởng cấp dưới, không sâu sát trong việc chỉ đạo và vì lý do bận nhiều công việc không yêu cầu cấp dưới phải gọi đơn vị tư vấn đến làm việc trực tiếp, bỏ mặc cho Bé Chí B tự thực hiện, không biết đơn vị thi công tự khảo sát, tự lập dự toán, áp mã hiệu sai để nâng giá trị dự toán phần thi công, không kiểm tra lại các công việc liên quan đến dự án. Sau khi có kết quả thẩm định từ Sở Xây dựng, Nguyễn Đình D chỉ đạo Hà Văn D hoàn thiện thủ tục để trình ông Nguyễn Hữu Ch - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án.

Trong các ngày 22 và 23/9/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn có các Quyết định số 1699/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình tại thôn ĐC, xã HĐ, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn, Quyết định số 1717/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình tại thôn DM 1, xã SH, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn và giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư. Cả hai Quyết định trên đều ghi rõ loại, cấp công trình là công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV. Nguồn vốn đầu tư từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, hỗ trợ từ Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương theo Quyết định số 58/2008/QĐ-TTG ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng mức đầu tư: 15.204.919.000 đồng. Dự án được chia thành hai giai đoạn, trong đó tổng chi phí giai đoạn 1 là 10.443.797.000 đồng, phần chi phí xây dựng giai đoạn 1 là 7.615.639.766 đồng.

Quá trình thực hiện dự án: Ngày 03/10/2016 ông Nguyễn Hữu Ch, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 252/QĐ-STNMT về việc thành lập Ban Quản lý dự án xử lý, cải tạo và phục hồi điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại ĐC, xã HĐ, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn và thôn DM 1, xã SH, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn, phân công Nguyễn Đình D, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm Trưởng Ban; Chu Văn N, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường làm Phó Trưởng Ban Quản lý dự án; các thành viên Ban Quản lý dự án gồm Bé Chí B, Phó Chi cục trưởng; Hà Văn D, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Hoàng Thị L, cán bộ kế toán của Sở Tài nguyên và Môi trường. Ban quản lý dự án sử dụng tài khoản và con dấu của Sở Tài nguyên và Môi trường để giao dịch.

Đối với đơn vị thi công - Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ môi trường: Sau khi trúng thầu 02 dự án tại xã SH, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn và xã HĐ, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn ký hợp đồng với Công ty về việc thi công 02 dự án nói trên. Trần Văn Ng, Giám đốc Công ty ký ban hành các Quyết định số 83/QĐ-CMX, 84/QĐ-CMX ngày 31/12/2016 về việc giao nhiệm vụ thực hiện dự án xử lý, cải tạo và phục hồi điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại thôn ĐC, xã HĐ, thành phố LS, tỉnh

Lạng Sơn và thôn DM 1, xã SH, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn cho Ban Quản lý dự án xây dựng môi trường 1 thi công gói thầu số 1. Trong các ngày 24 và 27/4/2017, Vũ Đình Tr đề xuất lãnh đạo Công ty ký 02 Hợp đồng giao khoán công việc số 2404ĐC.NC/2017/HĐGK-B1, trị giá 918.535.311 đồng với bà Nguyễn Thị L, để hợp thức hồ sơ nhân công tại công trình huyện HL và số 2704ĐC.NC/2017/HĐGK-B1 trị giá 1.157.460.753 đồng với Ông Lê Văn D (chồng bà Nguyễn Thị L) để hợp thức hồ sơ nhân công tại công trình xã HĐ, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn; tổng giá trị 02 hợp đồng là 2.075.996.064 đồng. Trên thực tế Vũ Đình Tr giao cho Lương Xuân T và Nguyễn Thế A, nhân viên Ban Quản lý dự án thuê nhân công tự do tại địa phương để thi công, mỗi công trình chỉ hết 150.000.000 đồng. Trong quá trình thi công và làm hồ sơ thanh toán, lãnh đạo Công ty không biết Vũ Đình Tr đã tự ý thay đổi biện pháp thi công và lập chứng từ khống để thanh toán với Công ty. Khi thi công hạng mục tường neo, hàn, trải màng chống thấm công trình tại huyện HL, tỉnh Lạng Sơn, Đào Văn Trường (nhân viên Ban Quản lý dự án) tự chỉ đạo xây dựng tường neo sâu 20 cm, trong khi thiết kế quy định sâu 50 cm, nhưng không báo cáo Ban Quản lý dự án và Công ty; do không được báo cáo về sự thay đổi này nên Công ty vẫn đề nghị chủ đầu tư thanh toán theo dự toán đã được phê duyệt, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 14.164.000 đồng. Việc thi công sai thiết kế của Đào Văn Trường không có mục đích vụ lợi.

Ngày 20/12/2017, Công ty tiến hành thanh lý hợp đồng thi công công trình tại huyện HL, tỉnh Lạng Sơn với bà Nguyễn Thị L; còn công trình tại xã HĐ, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn do chưa thực hiện xong nên chỉ căn cứ vào khối lượng công việc đã nghiệm thu để thanh toán. Ngày 05/02/2018, bà Nguyễn Thị L xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty, đến ngày 08/02/2018 Công ty đã chuyển khoản thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 918.535.311 đồng. Ngày 09/02/2018, Vũ Đình Tr yêu cầu Nguyễn Thị L chuyển số tiền trên vào tài khoản của Trần Văn H1, nhân viên Ban Quản lý dự án; sau đó Trần Văn H1 rút số tiền trên đưa lại cho Vũ Đình Tr. Ngày 16/01/2018, Ông Lê Văn D xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty với số tiền 1.049.285.243 đồng. Ngày 19/01/2018, Công ty chuyển khoản thanh toán cho ông Dương số tiền 800.000.000 đồng (số tiền còn lại 249.285.243 đồng chưa thanh toán). Cùng ngày ông Dương chuyển số tiền trên vào tài khoản của Nguyễn Văn Khoa, nhân viên Ban Quản lý dự án; sau đó Nguyễn Văn Khoa rút tiền mặt chuyển lại cho Vũ Đình Tr. Tổng số tiền Công ty thanh toán cho vợ chồng Nguyễn Thị L - Lê Văn Dương là 1.718.535.311 đồng, sau khi trừ số thuế phải nộp 7%, còn lại 1.580.787.839 đồng được chuyển cho Vũ Đình Tr. Vũ Đình Tr chuyển cho Lương Xuân T 300.000.000 đồng để chi trả cho nhân công địa phương, số tiền 1.280.787.839 đồng còn lại, Vũ Đình Tr đã tự ý chi trả lương, thưởng cho nhân viên của Ban Quản lý dự án, nhưng không báo cáo lãnh đạo và không đưa vào sổ sách hạch toán kế toán của Công ty theo đúng quy định. Bản thân Vũ Đình Tr được nhận số tiền 119.000.000 đồng; trong số tiền này, Vũ Đình Tr đưa cho vợ chồng Nguyễn Thị L - Lê Văn Dương 11.000.000 đồng; hỗ trợ thôn DM 1, xã SH, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn sửa chữa đường 15.000.000 đồng; hỗ trợ thôn ĐC, xã HĐ, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn sửa chữa đường 40.000.000 đồng.

Đối với đơn vị giám sát: Vào khoảng giữa tháng 5/2017, ông Hoàng Văn H, Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn môi trường Lạng Sơn đến gặp Nguyễn Đình D tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn. Nguyễn Đình D cho ông H biết có 02 dự án xử lý, cải tạo và phục hồi điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xã HĐ, thành phố LS và xã SH, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn muốn giao cho Công ty của ông H làm đơn vị giám sát, ông H nhận lời. Sau đó Nguyễn Đình D yêu cầu ông Hà Văn D, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch liên hệ với ông H để tiếp nhận hồ sơ làm thủ tục. Theo chỉ đạo của Nguyễn Đình D, Hà Văn D gọi ông H đến làm các thủ tục ký hợp đồng giám sát. Khi Hà Văn D trình Nguyễn Đình D ký hợp đồng có báo cáo Công ty của ông H còn thiếu hồ sơ năng lực, nhưng Nguyễn Đình D biết tại thời điểm đó chỉ có Công ty của ông H đến nộp hồ sơ và trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn cũng chỉ có Công ty của ông H hoạt động trong lĩnh vực môi trường; hơn nữa Công ty này đã thực hiện hợp đồng giám sát công trình tương tự tại huyện Bắc Sơn vào năm 2013-2014 không để xảy ra sai sót gì, nên Nguyễn Đình D đồng ý cho Hà Văn D tiếp nhận hồ sơ làm thủ tục chỉ định thầu; mặc dù không tổ chức cuộc họp nhưng Nguyễn Đình D vẫn ký vào biên bản xét hồ sơ năng lực đối với Công ty của Hoàng Văn H. Từ 22/5/2017, Công ty của Hoàng Văn H đã thực hiện giám sát thi công 02 công trình nhưng đến tháng 7/2017, Hoàng Văn H mới chỉ đạo nhân viên mang hồ sơ năng lực và đơn xin tham gia giám sát đến Sở Tài nguyên và Môi trường nộp.

Hoàng Văn H khai nhận: Bản thân không biết Công ty của mình đủ điều kiện, năng lực hay không và cho rằng việc xét năng lực nhà thầu là trách nhiệm của chủ đầu tư. Hoàng Văn H thừa nhận, bản thân và Công ty chưa thực hiện giám sát đầy đủ các nội dung theo hợp đồng đã ký kết, không biết đơn vị thi công thay đổi biện pháp thi công và thi công sai thiết kế tại hạng mục tường neo, hàn, trải màng chống thấm tại dự án xã SH, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn; khi làm hồ sơ thanh toán với chủ đầu tư. Hoàng Văn H căn cứ vào biên bản nghiệm thu không công tác giám sát, khối lượng, chất lượng công trình của đơn vị thi công để làm hồ sơ thanh toán với số tiền 154.881.000 đồng; trên thực tế khối lượng giám sát thực hiện tương ứng giá trị 15.700.000 đồng, sau khi nộp thuế giá trị gia tăng 14.669.709 đồng, Công ty của Hoàng Văn H được hưởng lợi $154.881.000 - 14.669.709 - 15.700.000 = 125.100.927$ đồng.

Đối với việc thanh toán hợp đồng tư vấn, khảo sát, thiết kế: Sau khi nghiệm thu thanh toán hợp đồng tư vấn, khảo sát, thiết kế, Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ môi trường được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn chuyển thanh toán tổng số tiền 541.356.000 đồng của 02 dự án trên. Nguyễn Đức Th1 chi trả cho 03 hợp đồng đã ký hợp thức về việc thực hiện công việc tư vấn, khảo sát thiết kế, gồm Hợp đồng phân tích mẫu đất 151.069.000 đồng; Hợp đồng in ấn, phô tô 100.997.000 đồng; Hợp đồng thuê xe 99.000.000 đồng; thuế giá trị gia tăng 49.214.000 đồng, tổng cộng 400.280.000 đồng. Công ty của Nguyễn Đức Th1 được hưởng số tiền còn lại 141.076.000 đồng.

Kết quả trưng cầu giám định:

- Ngày 14/01/2020, Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng có báo cáo số 17/BC-TTKĐ kết luận: Công ty Cổ phần Tư vấn môi trường Lạng Sơn chưa có đủ điều kiện, năng lực để ký hợp đồng giám sát thi công hai dự án

trên. Cụ thể là: Không có chứng chỉ năng lực của tổ chức; chứng chỉ hành nghề giám sát thi công công trình xây dựng, trong hồ sơ năng lực năm 2016 - 2017 chỉ có ông Nguyễn Tiến Công có chứng chỉ giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ, đường sân bay số GS1 -04-10047 do Sở Xây dựng thành phố Hà Nội cấp ngày 24/10/2012 có giá trị đến ngày 24/10/2017; Ông Hoàng Văn H là giám đốc Công ty, chỉ có bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp ngành quản lý đất đai; bà Tô Thúy Hồng và ông Trần Chính Triết không có tên trong hồ sơ năng lực nhưng vẫn ký vào các biên bản nghiệm thu là vi phạm khoản 4 Điều 26 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ và khoản 6 Điều 4 Luật Xây dựng.

Tại Bản kết luận số 458/KL-HĐĐGTS ngày 18/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản xác định: Giá trị chênh lệch do thi công sai thiết kế gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 14.164.000 đồng.

- Ngày 14/4/2020, Giám định viên Sở Tài chính có báo cáo kết luận giá trị thiệt hại của Nhà nước như sau: Thuế thu nhập doanh nghiệp là $1.280.787.873 \times 20\% = 256.157.574$ đồng. Lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế 1.024.630.298 đồng được phân phối như sau: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 102.463.030 đồng; lợi nhuận còn lại chia cổ tức là 922.167.268 đồng, trong đó cổ đông Nhà nước được hưởng là $64,14\% \times 922.167.268 = 591.478.086$ đồng. Tổng thiệt hại của Nhà nước do hành vi lập không chứng từ của Vũ Đình Tr Trọng là: $256.157.574 + 591.478.086$ đồng = 847.635.660 đồng. Giá trị thiệt hại của Nhà nước khi chủ đầu tư thanh toán cho Công ty Cổ phần Tư vấn môi trường Lạng Sơn (đơn vị tư vấn giám sát) là 125.100.927 đồng.

- Ngày 29/4/2020, Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng có Báo cáo số 132/BC-TTKĐ kết luận: Việc vận dụng, áp dụng định mức nhân công của mã hiệu SB.21142 (mã hiệu phần sửa chữa) đối với công tác điều chỉnh pH đất bằng vật liệu điều chỉnh pH và công tác trộn Ôxy già vào đất ô nhiễm bằng thủ công đối với 02 công trình trên là chưa phù hợp theo quy định. Giá trị chi phí xây dựng chênh lệch nâng lên do vận dụng, áp dụng mã hiệu không đúng tại công trình HL, tỉnh Lạng Sơn là 252.819.893 đồng và tại công trình xã HĐ, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn là 319.735.846 đồng.

- Ngày 28/5/2020, Giám định viên Sở Tài chính có báo cáo kết luận: Giá trị chênh lệch giữa việc vận dụng, áp dụng mã dự toán là chưa phù hợp và gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước; tổng giá trị thiệt hại là 454.266.442 đồng, trong đó thiệt hại tại công trình xã SH, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn là 164.781.920 đồng và công trình xã HĐ, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn là 289.484.522 đồng.

Ngày 10/7/2020, Hội đồng quản trị mở rộng Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ môi trường hợp, lập danh sách cổ đông ký xác nhận đồng ý không truy cứu số tiền thất thoát tương ứng với 35,86% theo giá trị cổ đông ngoài Nhà nước và có Công văn số 16/CMX ngày 15/7/2020 gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đề nghị không truy cứu trách nhiệm đối với Vũ Đình Tr về hành vi lập không chứng từ gây thất thoát tài sản của các cổ đông ngoài Nhà nước.

Về khắc phục hậu quả: Số tiền $(454.266.442 + 14.164.000) = 468.430.442$ đồng thiệt hại cho Nhà nước do hành vi thiếu trách nhiệm của bị cáo Nguyễn Đình D đã được bị cáo Vũ Đình Tr nộp để khắc phục hậu quả từ việc đơn vị thi công tự lập và nâng dự toán tại hạng mục thi công và Vũ Đình Tr lập khống chứng từ thanh toán với Công ty; số tiền 125.100.927 đồng thiệt hại cho Nhà nước trong công tác giám sát đã được Hoàng Văn H nộp khắc phục do Công ty không đủ năng lực cũng như không thực hiện đầy đủ công việc theo hợp đồng giám sát.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 04/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã kết án bị cáo Nguyễn Đình D về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 2 Điều 360 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo; kết án bị cáo Vũ Đình Tr về tội “Vi phạm quy định về kê toán gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm d khoản 2 Điều 221 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/01/2021, bị cáo Nguyễn Đình D kháng cáo với nội dung bị cáo không phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Đình D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan, với lý do:
 - + Bị cáo không trực tiếp gây ra thiệt hại, thiệt hại do những người khác gây ra nhưng lại buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm.
 - + Bản án sơ thẩm quy kết bị cáo nghiệm thu không đúng gây ra thiệt hại là không phù hợp;
 - + Việc lựa chọn đơn vị tư vấn giám sát là đúng quy định, có đủ năng lực và họ đã thực hiện đúng và đủ nghĩa vụ trách nhiệm của đơn vị tư vấn, giám sát theo đúng hợp đồng tư vấn, giám sát
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Bị cáo Nguyễn Đình D tin tưởng vào cấp dưới, không sâu sát trong việc chỉ đạo và vì lý do bận nhiều công việc, không yêu cầu cấp dưới gọi đơn vị tư vấn, thiết kế, khảo sát, lập dự toán đến làm việc, không kiểm tra lại các công việc liên quan đến dự án. Mặc dù không tham gia nghiệm thu ngoài hiện trường, không trực tiếp làm việc với đơn vị tư vấn, lập dự toán, khi ký các biên bản nghiệm thu không có mặt của đơn vị đối tác nhưng đã cùng với Bé Chí B ký các biên bản nghiệm thu trong hồ sơ thanh toán gói tư vấn khảo sát hiện trạng môi trường bổ sung và báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh, gây ra thiệt hại là $454.266.442 \text{ đồng} + 125.100.927 \text{ đồng} + 14.164.000 \text{ đồng} = 593.531.369 \text{ đồng}$. Xác định bị cáo không oan. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Đình D. Kiến nghị xem xét trách nhiệm của một số người có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo D và lời khai của các đối tượng Thảo, Trọng, Nghĩa về việc bị cáo D yêu cầu nâng khống dự toán thêm 1,5 tỷ đồng.
- Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm:

Luật sư Nguyễn Phúc Th:

+ Đối với việc khảo sát, lập dự án, áp mã hiệu của công trình sai gây thiệt hại 454.266.442 đồng không thuộc trách nhiệm của bị cáo D. Người chịu trách nhiệm chính và trực tiếp là ông Nguyễn Hữu Ch - Giám đốc Sở lúc đó. Vi phạm của ông Chiến đã được Ủy ban kiểm tra Trung ương kết luận và quyết định kỷ luật Đảng bằng hình thức cảnh cáo. Ngoài ra còn có trách nhiệm của các đơn vị khảo sát, lập dự toán, thẩm định, của Chi cục bảo vệ môi trường. Bị cáo D không được giao chỉ đạo gói thầu này nên không phải chịu trách nhiệm.

+ Đối với việc lựa chọn nhà thầu tư vấn, giám sát: Nhà thầu có đủ năng lực giám sát, quá trình giám sát đã làm đủ trách nhiệm nên công trình được hoàn thành đạt chất lượng tốt. Thiệt hại trong việc thanh toán cho đơn vị giám sát là 125.100.927 đồng là do ông H trực tiếp chỉ đạo và nộp hồ sơ không nhưng ông H không bị truy cứu trách nhiệm hình sự mà buộc bị cáo D phải chịu trách nhiệm là không đúng.

+ Việc thi công hạng mục tường neo, hàn, trải màng chống thấm sai thiết kế gây thiệt hại 14.164.000 đồng là do Đào Văn Trường, nhân viên Ban quản lý dự án chỉ đạo đơn vị thi công. Bị cáo D không thể biết việc này nên không phải chịu trách nhiệm.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, tuyên bị cáo không phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Luật sư Trần Hồng P bổ sung:

+ Một số đối tượng có liên quan trong vụ án nhưng không bị xử lý là không công bằng;

+ Các cơ quan tố tụng xem xét trách nhiệm của bị cáo D đối với việc nghiệm thu 03 gói thầu đã hoàn thành, xác định tổng thiệt hại 593.531.369 đồng có đúng hay không? Trong vụ án này các đơn vị tham mưu đã căn cứ đúng các quy định về đấu thầu, việc nghiệm thu căn cứ vào việc chỉ định thầu do Giám đốc Sở quyết định nên ông D buộc phải thực hiện. Theo quyết định thành lập Ban quản lý dự án thì ông D có rất nhiều nhiệm vụ, nhưng thực tế chỉ thực hiện một số nhiệm vụ, còn lại đều do Giám đốc thực hiện. Do đó, ông D chỉ phải chịu trách nhiệm tương ứng với công việc mà ông D đã thực hiện. Việc nghiệm thu, thanh toán là căn cứ vào khối lượng công việc đã thực hiện, theo kết quả kiểm tra thì đơn vị thi công còn hoàn thành khối lượng công việc vượt quá thiết kế. Hợp đồng là hợp đồng trọn gói nên phải tôn trọng việc thanh toán trọn gói, khối lượng nghiệm thu đúng nên số tiền thanh toán là đúng. Thiệt hại trong vụ án cần phải có kết quả kiểm toán mới cho kết quả chính xác. Trong việc thực hiện hợp đồng tư vấn giám sát, lời khai và hành vi thực tế của ông H là không phù hợp. Do đó, nhất trí với quan điểm của Luật sư Th về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, tuyên bị cáo không phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo bị cáo Nguyễn Đình D trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn là bị hại trong vụ án là không chính xác. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại, họ tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn dân sự.

[1.3] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đại diện Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, hoặc họ có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa, căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự để tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Đình D

[2.1] Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định:

Năm 2016, khi Trung ương cấp kinh phí để thực hiện 02 dự án xử lý, cải tạo và phục hồi các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại thôn ĐC, xã HĐ, thành phố LS và thôn DM 1, xã SH, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn, lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn đã chỉ đạo Chi cục Bảo vệ môi trường và các phòng chức năng thực hiện quy trình khảo sát, lập dự toán, báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định. Dự án được triển khai từ năm 2016 đến năm 2018. Các đơn vị tham gia dự án bao gồm:

- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ môi trường do ông Nguyễn Đức Th1 làm giám đốc, là đơn vị tư vấn, khảo sát, thiết kế, lập dự toán;
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng CICO do ông Nguyễn Tiến D2 làm Giám đốc, là đơn vị tư vấn đấu thầu, chấm thầu;
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ môi trường, do ông Trần Văn Ng làm Tổng Giám đốc (vốn Nhà nước chiếm 64,14%), là nhà thầu thi công;
- Công ty Cổ phần Tư vấn môi trường Lạng Sơn do ông Hoàng Văn H làm Giám đốc, là đơn vị giám sát.

[2.2] Ngày 03/10/2016 ông Nguyễn Hữu Ch, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 252/QĐ-STNMT về việc thành lập Ban Quản lý dự án xử lý, cải tạo và phục hồi điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại ĐC, xã HĐ, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn và thôn DM 1, xã SH, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn, phân công Nguyễn Đình D, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm Trưởng Ban và các thành viên. Theo quyết định này, Nguyễn Đình D là Trưởng ban quản lý dự án, được toàn quyền quyết định mọi công việc liên quan đến dự án và phải chịu mọi trách nhiệm đối với quyết định của mình trước Giám đốc Sở.

[2.3] Quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Nguyễn Đình D đã thiếu trách nhiệm trong việc tham mưu, đề xuất trong quá trình khảo sát, lập dự toán để

cho đơn vị khảo sát, lập dự toán áp dụng mã hiệu của công trình xây dựng mới sang mã hiệu của công trình sửa chữa, tạo ra giá trị chênh lệch cao hơn; chọn đơn vị giám sát không đủ năng lực; không sâu sát, thiếu kiểm tra, đôn đốc cấp dưới, thiếu kiểm tra đơn vị giám sát, đơn vị thi công dẫn đến thanh toán không đúng gây thiệt hại cho nhà nước. Cụ thể:

[2.3.1] Trong công tác giám sát: Theo báo cáo số 17/BC-TTKĐ ngày 14/01/2020 của Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng kết luận: Công ty Cổ phần Tư vấn môi trường Lạng Sơn là đơn vị giám sát không đủ năng lực giám sát do không có chứng chỉ năng lực của tổ chức; chứng chỉ hành nghề giám sát thi công công trình xây dựng, trong hồ sơ năng lực năm 2016 - 2017 chỉ có ông Nguyễn Tiến Công có chứng chỉ giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ, đường sân bay số GS1 -04-10047 do Sở Xây dựng thành phố Hà Nội cấp ngày 24/10/2012 có giá trị đến ngày 24/10/2017; ông Hoàng Văn H là giám đốc Công ty, chỉ có bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp ngành quản lý đất đai; bà Tô Thúy Hồng và ông Trần Chính Triết không có tên trong hồ sơ năng lực nhưng vẫn ký vào các biên bản nghiệm thu là vi phạm khoản 4 Điều 26 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ và khoản 6 Điều 4 Luật Xây dựng. Mặc dù không tổ chức cuộc họp nhưng Nguyễn Đình D vẫn ký vào biên bản xét hồ sơ năng lực đối với Công ty của Hoàng Văn H. Từ 22/5/2017, Công ty của Hoàng Văn H đã thực hiện giám sát thi công 02 công trình nhưng đến tháng 7/2017, Hoàng Văn H mới chỉ đạo nhân viên mang hồ sơ năng lực và đơn xin tham gia giám sát đến Sở Tài nguyên và Môi trường nộp. Từ việc không có năng lực giám sát dẫn đến việc thực hiện việc giám sát không đầy đủ các nội dung theo hợp đồng đã ký kết, kê không khối lượng công việc giám sát. Bị cáo Nguyễn Đình D đã ký hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán đã thiếu kiểm tra, không phát hiện ra dẫn đến thanh toán không đúng thực tế, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 125.100.927 đồng.

[2.3.2] Đơn vị thi công tự ý thi công sai thiết kế hạng mục tường neo, hàn, trải màng chống thấm tại công trình xã SH, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn, kê không khối lượng công việc thi công. Bị cáo Nguyễn Đình D đã ký hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán không đúng thực tế. Tại Bản kết luận số 458/KL-HĐĐGTS ngày 18/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Lạng Sơn xác định: Giá trị chênh lệch do thi công sai thiết kế gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 14.164.000 đồng.

[2.3.3] Việc nghiệm thu trong quá trình thực hiện dự án, chỉ do bị cáo Nguyễn Đình D và ông Bé Chí B (đã chết) thực hiện. Bên thi công và bên giám sát đã kê không khối lượng công việc để nâng giá trị chênh lệch, nhưng bị cáo Nguyễn Đình D và ông Bé Chí B vẫn ký các biên bản nghiệm thu. Từ việc nghiệm thu không đúng dẫn đến việc thanh toán, quyết toán không đúng thực tế, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc bên thi công và bên giám sát đã rút được tiền, gây ra thiệt hại tài sản của Nhà nước trong quá trình thực hiện dự án như sau:

Bị cáo Nguyễn Đình D đã ký hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán không đúng thực tế, giá trị thanh toán nâng lên. Theo báo cáo ngày 28/5/2020 của giám định viên Sở Tài chính kết luận: Giá trị chênh lệch giữa việc vận dụng, áp dụng

mã dự toán là chưa phù hợp và gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước; tổng giá trị thiệt hại là 454.266.442 đồng, trong đó thiệt hại tại công trình xã SH, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn là 164.781.920 đồng và công trình xã HĐ, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn là 289.484.522 đồng. Tổng thiệt hại 454.266.442 đồng.

Tổng cộng ngân sách Nhà nước bị thiệt hại do các hành vi thiếu trách nhiệm này của bị cáo Nguyễn Đình D gây ra là: 454.266.442 đồng + 125.100.927 đồng + 14.164.000 đồng = 593.531.369 đồng.

[3] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Lạng Sơn kết án bị cáo Nguyễn Đình D về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015 là không oan. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như quan điểm của người bào chữa cho bị cáo về việc bị cáo bị oan và tuyên bị cáo không phạm tội.

[4] Hội đồng xét xử còn xét thấy:

[4.1] Do bị cáo Nguyễn Đình D là người có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trong quá trình công tác bị cáo Nguyễn Đình D được Bộ Tài nguyên và Môi trường 02 lần tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong công tác vào các năm 2009 và 2013; hậu quả là thiệt hại tài sản của Nhà nước trong vụ án đã được khắc phục; bị cáo có mẹ đẻ là bà Hà Thị Minh được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; Sở Tài nguyên và Môi trường xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đồng thời áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.2] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định cấm bị cáo Nguyễn Đình D đảm nhiệm chức vụ quản lý liên quan đến các dự án cải tạo về môi trường trong thời hạn 02 năm là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 360 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên khi xác định thời hạn bắt đầu chấp hành hình phạt bổ sung lại tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là không đúng, bởi lẽ theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Hình sự thì trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thời hạn cấm đảm nhiệm chức vụ phải được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ chỉnh sửa cho phù hợp.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo kháng cáo không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Đình D.

Giữ nguyên quyết định về hình sự tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo Nguyễn Đình D như sau:

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4, Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Đình D;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình D phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đình D cho Ủy ban nhân dân phường VT, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường VT, thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Hình phạt bổ sung: Sửa thời điểm bắt đầu tính thời hạn chấp hành hình phạt bổ sung tại bản án sơ thẩm như sau: Cấm bị cáo Nguyễn Đình D đảm nhiệm chức vụ quản lý liên quan đến các dự án cải tạo về môi trường trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ngày 13/4/2022.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đình D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- UBND phường VT, TP Lạng Sơn;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; Tòa hình sự; HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh

